

Số: 14/2023/QĐST - HNGĐ

TP. Hưng Yên, ngày 13 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 71/2023/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Anh T, sinh năm 1994;

- Chị Vũ Bích T1, sinh năm 1993.

Những người yêu cầu cùng đăng ký HKTT: Số A, B, L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Anh T và chị Vũ Bích T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L ngày 05/11/2019 không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn, do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh T, chị T1 xác định vợ chồng chung sống cùng nhau gần 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có mở cửa hàng làm tóc nhưng rất ít khách, vì vậy anh T sinh ra chán nản, không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên chơi game. Vì lý do anh T không chịu làm ăn nên thu nhập không có, kinh tế của hai vợ chồng ngày càng khó khăn. Mâu thuẫn kéo dài mà không được giải quyết dứt điểm nên anh T, chị T1 sống ly thân nhau từ tháng 9/2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, bố, mẹ chị T1 có khuyên bảo anh T tập trung làm ăn nhưng anh T còn ham chơi nên không thay đổi được. Nay, cả anh T và chị T1 đều xác định không còn tình cảm, vợ chồng không ai muốn đoàn tụ với nhau và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Từ những nhận định trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T, chị T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh T, chị T1 là chính đáng, có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh T, chị T1.

[2] *Về con chung*: Anh T, chị T1 đều khẳng định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về tài sản chung, về nhà ở, về nợ chung*: Anh Trần Anh T và chị Vũ Bích T1 thống nhất thỏa thuận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về lệ phí*: Anh Tuấn, chị T1 thống nhất thỏa thuận để anh T tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Anh T và chị Vũ Bích T1 tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh T, chị T1 đều khẳng định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, về nhà ở, về nợ chung*: Anh Tuấn, chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

- *Về lệ phí*: Anh T, chị T1 thỏa thuận: Anh Tuấn nộp cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0001488 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Anh T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THA dân sự TP Hưng Yên;
- UBND phường Lê Lợi, TP Hưng Yên, Hưng Yên (ĐKKH số 36, ngày 05/11/2019);
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đăng Khuê